

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-33
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	05-07
Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ	08-09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	12
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	13-33

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch	
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Phương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/05/2016

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Mai Hòa	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Tâm	Ủy viên	
Bà Hoàng Thị Ánh Ngọc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 10/06/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thiên Hà

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2016



Số: 1704/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát được lập ngày 25 tháng 07 năm 2016, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Lê Phụng Hiếu, Hà Nội, Vietnam A member of HLB international

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		147.607.364.730	150.415.265.940
110	I. Tài sản tài chính		131.883.986.691	133.106.759.095
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	43.265.155.487	45.368.928.645
111.1	1.1 Tiền		24.465.155.487	13.568.928.645
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		18.800.000.000	31.800.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	39.423.155.818	39.556.885.057
114	2. Các khoản cho vay	5	3.006.933.888	2.317.353.951
115	3. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	1.350.000.000	1.350.000.000
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(1.104.372.850)	(1.193.958.801)
117	5. Các khoản phải thu	7	14.169.615.000	14.123.020.000
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		14.044.700.000	14.025.500.000
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		124.915.000	97.520.000
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		124.915.000	97.520.000
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	32.911.305.476	33.067.493.297
129	7. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(1.137.806.128)	(1.482.963.054)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		15.723.378.039	17.308.506.845
131	1. Tam ứng		196.952.964	13.611.770
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	269.955.000	37.310.000
134	3. Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	14.005.200.000	5.200.000
135	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	1.251.270.075	17.252.385.075
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.544.158.019	2.926.169.299
220	II. Tài sản cố định		737.902.341	1.119.913.621
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	439.647.781	699.634.307
222	- Nguyên giá		5.090.663.446	5.052.768.446
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.651.015.665)	(4.353.134.139)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	298.254.560	420.279.314
228	- Nguyên giá		3.596.296.230	3.596.296.230
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.298.041.670)	(3.176.016.916)
250	V. Tài sản dài hạn khác		1.806.255.678	1.806.255.678
251	1. Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	37.310.000	37.310.000
254	2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	1.768.945.678	1.768.945.678
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		150.151.522.749	153.341.435.239

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘTại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.810.545.684	17.068.464.505
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		13.810.545.684	17.068.464.505
321	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		114.000.000	40.000.000
322	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.278.839.135	1.235.542.852
323	3. Phải trả người lao động		172.509.000	177.009.600
324	4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		22.900.350	-
328	5. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16	9.646.334.388	13.646.334.388
329	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	2.575.962.811	1.969.577.665
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		136.340.977.065	136.272.970.734
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	136.340.977.065	136.272.970.734
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	135.289.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		135.289.000.000	135.289.000.000
411.1a	a. Vốn pháp định		135.000.000.000	135.000.000.000
411.1b	b. Vốn bổ sung		289.000.000	289.000.000
414	2. Quỹ dự trữ điều lệ		306.000.000	306.000.000
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		445.000.000	445.000.000
417	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		300.977.065	232.970.734
417.1	4.1 Lợi nhuận đã thực hiện		300.977.065	232.970.734
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		136.340.977.065	136.272.970.734
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		150.151.522.749	153.341.435.239

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
008	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	21	990.840.000	990.840.000
008.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		990.840.000	990.840.000
012	2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	22	20.421.250.000	20.440.000.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
	Số lượng chứng khoán			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	23	161.387.360.000	197.433.200.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		160.081.660.000	196.539.500.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		1.305.700.000	893.700.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	24	26.150.000	15.150.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		26.150.000	15.150.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư Đông Việt Nam	25	1.243.000.000	662.000.000
026	1. Tiền gửi của khách hàng	26	735.677.490	711.365.969
027	1.1 Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán		735.677.490	711.365.969
027.1	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		735.677.490	711.365.969
031	2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	27	735.677.490	711.365.969
031.1	2.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		735.422.750	701.187.842
031.2	2.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		254.740	10.178.127


Nguyễn Thanh Nghị
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởngTrần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		12.400.000	12.000.000
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a)	9.000.000	-
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	29.b)	3.400.000	12.000.000
02	1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		311.350.667	386.848.415
03	1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		2.940.503.041	526.536.143
06	1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		361.715.595	2.162.149.134
09	1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		44.379.759	8.858.326
10	1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		20.000.000	265.454.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		3.690.349.062	3.361.846.018
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		115.629.239	-
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a)	115.629.239	-
24	2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay		(252.831.795)	136.374.500
27	2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		522.727.495	568.550.803
30	2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		61.027.173	36.064.744
32	2.12 Chi phí các dịch vụ khác	30	424.474.064	1.074.728.581
40	Cộng chi phí hoạt động		871.026.176	1.815.718.628
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	31		
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		2.658.979	4.928.536
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		2.658.979	4.928.536
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
60	Cộng chi phí tài chính		-	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32	2.753.975.534	2.773.506.709
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		68.006.331	(1.222.450.783)

CÔNG TY
 CHỨNG KHOÁN
 AN PHÁT
 KIỂM T
 AS
 KIỂM

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	8.1 Thu nhập khác		-	681.818.181
72	8.2 Chi phí khác		-	900.000.000
80	Cộng kết quả hoạt động khác		-	(218.181.819)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		68.006.331	(1.440.632.602)
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		68.006.331	(1.440.632.602)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	33	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		68.006.331	(1.440.632.602)
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	34	5	(106)

Nguyễn Thanh Nghị
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		68.006.331	(1.440.632.602)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định		419.906.280	522.549.070
04	- Các khoản dự phòng		-	136.374.500
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư (đầu tư công ty con, liên doanh, liên kết)		(2.658.979)	(712.131.275)
20	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ			
27	- Hoàn nhập chi phí dự phòng		(434.742.877)	-
30	5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động			
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ		133.729.239	(217.920.000)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(689.579.937)	3.879.270.910
35	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(415.986.194)	(123.062.756)
42	6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(921.326.137)	2.044.447.847
43	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(19.200.000)	-
44	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính		(27.395.000)	-
45	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		230.187.821	5.264.589
48	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán		16.000.000.000	(5.000.000.000)
50	- (+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		43.296.283	189.921.202
51	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		625.899.896	(1.910.468.485)
54	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.000.000.000)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.068.537.137)	(4.670.834.847)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(37.895.000)	-
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		-	681.818.181
65	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.658.979	930.313.094
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35.236.021)	1.612.131.275
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		(2.103.773.158)	(3.058.703.572)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		45.368.928.645	40.388.150.808
102	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		45.368.928.645	40.388.150.808
102.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		45.368.928.645	40.388.150.808
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		43.265.155.487	37.329.447.236
104	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		43.265.155.487	37.329.447.236
104.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		43.265.155.487	37.329.447.236


PHẢN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		120.888.196.300	60.082.691.727
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(95.620.395.000)	(73.444.194.200)
09	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(24.613.489.779)	12.509.544.516
13	4. Chi lỗi giao dịch chứng khoán		(630.000.000)	-
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>		24.311.521	(851.957.957)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		711.365.969	1.354.103.514
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		711.365.969	1.354.103.514
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		711.365.969	1.354.103.514
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		735.677.490	502.145.557
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		735.677.490	502.145.557
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		735.677.490	502.145.557



Nguyễn Thanh Nghị
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Genes Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo dài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Ay kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		01/01/2016	Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ			
		01/01/2015			6 tháng đầu năm 2015		6 tháng đầu năm 2016		30/06/2015		30/06/2016	
		VND	VND		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	135.289.000.000		-	-	-	-	135.289.000.000	135.289.000.000		
1.1. Vốn góp định		135.000.000.000	135.000.000.000		-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000		
1.2. Vốn bổ sung		289.000.000	289.000.000		-	-	-	-	289.000.000	289.000.000		
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		306.000.000	306.000.000		-	-	-	-	306.000.000	306.000.000		
4. Quỹ dự phòng tài chính và tài trợ nghiệp vụ		445.000.000	445.000.000		-	-	-	-	445.000.000	445.000.000		
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(24.033.388.185)	232.970.734	(1.460.632.602)		68.006.331			(25.474.020.787)	300.977.065		
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(24.033.388.185)	232.970.734	(1.460.632.602)		68.006.331			(25.474.020.787)	300.977.065		
CỘNG:		112.006.611.815	136.272.970.734	(1.440.632.602)		68.006.331			(10.565.979.313)	136.340.977.065		



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Nguyễn Thanh Nghi
Kế toán trưởng

Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 09/02/2010 và sửa đổi, bổ sung ngày 27/05/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.289.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 135.289.000.000 đồng; tương đương 13.528.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 05 tháng 04 năm 2010 với mã giao dịch là APG. Theo Nghị quyết số 27/5/2016/NQ-DHDCĐ ngày 27 tháng 05 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty đã thông qua về việc chuyển sàn giao dịch sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Ngày 29 tháng 06 năm 2016, Sở Giao dịch Hồ Chí Minh đã có thông báo số 751/TB-SGDHCM về việc nhận hồ sơ đăng ký niêm yết lần đầu của Công ty.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010).

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 theo quy định của Thông tư 210 khi so sánh với số liệu kỳ này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

CHỖ
ĐĂNG
KÝ
KIỂM
AS
KIỂM

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện đứng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Năm 2016 Luật Chứng khoán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.



2.5 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty quản lý tách biệt với tài sản hàng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo thu nhập toàn diện.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

11001
CÔNG
CHẾ
NG KIẾ
AAS
Y KIẾ

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.11 . Doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.12 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.13 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

2.14 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỶ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	124.700	898.220.000
- Cổ phiếu	124.700	898.220.000
Của nhà đầu tư	32.366.010	217.883.693.300
- Cổ phiếu	32.366.010	217.883.693.300
	32.490.710	218.781.913.300

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	14.330.000	4.789.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	24.450.825.487	13.564.139.645
Các khoản tương đương tiền	18.800.000.000	31.800.000.000
	43.265.155.487	45.368.928.645

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng, có giá trị 18.800.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất 4,6%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	927.895.818	-	938.050.557	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	38.495.260.000	-	38.618.834.500	-
	39.423.155.818	-	39.556.885.057	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.350.000.000	-	1.350.000.000	-
	1.350.000.000	-	1.350.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

c) Các khoản cho vay

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Hoạt động margin (*)	2.380.626.400	1.894.000.000
Hoạt động ứng trước tiền bán	626.307.488	423.353.951
	<u>3.006.933.888</u>	<u>2.317.353.951</u>

(*) Công ty có giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu giao dịch ký quỹ với tổng giá trị tài sản cầm cố tính theo giá thị trường tại ngày 30/06/2016, có tính đến tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính.

<u>Nhóm nợ</u>	<u>Dư nợ vay</u>	<u>Tài sản đảm bảo sau khấu trừ</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng</u>	<u>Mức trích lập dự phòng</u>
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	2.289.126.400	5.607.681.077	0%	-
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	91.500.000	307.956.946	5%	-
<u>Tổng cộng</u>	<u>2.380.626.400</u>	<u>5.915.638.023</u>		-

Tại ngày 30/06/2016, Công ty đã lập dự phòng suy giảm các khoản cho vay (dự phòng chung) theo hướng dẫn tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính với số tiền: 13.829.888 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

đ) Bảng tính hình biến động giá trị thị trường

	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này		Giá trị dự phòng VND	Giá trị lập dự phòng kỳ trước VND	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này VND
		Giá số sách VND	Giá thị trường VND			
FVTPL		39.423.155.818	38.668.810.900	(754.886.318)	(858.302.157)	103.415.839
Chứng khoán niêm yết		139.170.318	129.528.400	(10.177.818)	(15.922.557)	5.744.739
- VND	11.025	139.170.318	128.992.500	(10.177.818)	(15.922.557)	5.744.739
- Cổ phiếu lẻ	20	-	535.900	-	-	-
Chứng khoán Upcom			44.022.500	(744.708.500)	(735.905.100)	(8.803.400)
- NOS	88.034	788.725.500	44.017.000	(744.708.500)	(735.905.100)	(8.803.400)
- Cổ phiếu lẻ	5	-	5.500	-	-	-
Chứng khoán chưa niêm yết (*)			38.495.260.000	-	(106.474.500)	106.474.500
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	14.125	145.000.000	145.000.000	-	-	-
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (SDF)	-	-	-	-	(106.474.500)	106.474.500
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt	20.000	320.000.000	320.000.000	-	-	-
- Công ty CP Bất động sản Dầu khí	5.000	105.000.000	105.000.000	-	-	-
- Công ty CP Dầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000	-	-	-
- Công ty CP Dầu khí Thái Dương	1.003.000	12.425.260.000	12.425.260.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

d) Bảng tính hình biến động giá trị thị trường

	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này		Giá trị dự phòng VND	Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Giá trị lập hoặc hoàn nhập kỳ này
		Giá số sách VND	Giá thị trường VND			
AFS		1.350.000.000	1.014.343.356	(335.656.644)	(335.656.644)	-
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)			1.014.343.356	(335.656.644)	(335.656.644)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sứ khỏe Việt	135.000	1.350.000.000	1.014.343.356	(335.656.644)	(335.656.644)	-
		40.773.155.818	39.683.154.256	(1.090.542.962)	(1.193.958.801)	103.415.839

Ghi chú (*):

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thuộc tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết thuộc tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên Công ty thực hiện trích lập dự phòng dựa trên Báo cáo tài chính năm 2015 của đơn vị nhận đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THÊ CHẤP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	13.829.888	-
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	335.656.644	335.656.644
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính	754.886.318	858.302.157
Tại ngày 30/06	1.104.372.850	1.193.958.801

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	14.044.700.000	14.025.500.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	124.915.000	97.520.000
Phải thu các dịch vụ công ty cung cấp	32.911.305.476	33.067.493.297
- Phải thu Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam	-	74.528.771
- Phải thu Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (phi môi giới, phí lưu ký và thuế)	39.100.207	10.759.257
- Phải thu Nhà đầu tư về hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	32.872.205.269	32.872.205.269
- Phải thu khách hàng dịch vụ tư vấn	-	110.000.000
	47.080.920.476	47.190.513.297

8 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tại ngày 01/01	1.482.963.054	2.110.896.996
Trích lập/hoàn nhập	(345.156.926)	-
Tại ngày 30/06	1.137.806.128	2.110.896.996

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí thuê nhà	37.310.000	37.310.000
Chi phí thuê kênh, sử dụng thiết bị, quản lý thành viên	232.645.000	-
	269.955.000	37.310.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

10 . CẨM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**a) Ngân hạn**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Đặt cọc hợp đồng môi giới trái phiếu (*)	14.000.000.000	-
Cầm cố, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược khác	5.200.000	5.200.000
	<u>14.005.200.000</u>	<u>5.200.000</u>

(*) Khoản đặt cọc cho Công ty TNHH Vàng An Phát theo hợp đồng đặt cọc mua trái phiếu số 20/6/2016/APSI-HDDC ngày 20/06/2016. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Vàng An Phát sẽ thay mặt cho Công ty tìm mua 300.000 trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam với kỳ hạn 5 năm, lãi suất danh nghĩa 6,3%/năm. Thời hạn của hợp đồng kể từ ngày ký đến ngày 30/09/2016. Hết thời hạn của hợp đồng, nếu Công ty TNHH Vàng An Phát không tìm mua được trái phiếu thì phải hoàn trả cho Công ty gốc và lãi tính trên số nhận đặt cọc.

b) Dài hạn

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Đặt cọc tiền thuê nhà	37.310.000	37.310.000
	<u>37.310.000</u>	<u>37.310.000</u>

11 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp	-	16.000.000.000
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	1.251.270.075	1.251.270.075
Phải thu kinh phí công đoàn	-	1.115.000
	<u>1.251.270.075</u>	<u>17.252.385.075</u>

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2016	5.052.768.446	5.052.768.446
Mua trong kỳ	37.895.000	37.895.000
Tại ngày 30/06/2016	<u>5.090.663.446</u>	<u>5.090.663.446</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2016	4.353.134.139	4.353.134.139
Khấu hao trong kỳ	297.881.526	297.881.526
Tại ngày 30/06/2016	<u>4.651.015.665</u>	<u>4.651.015.665</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình		
Tại ngày 01/01/2016	699.634.307	699.634.307
Tại ngày 30/06/2016	<u>439.647.781</u>	<u>439.647.781</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.071.331.647 đồng

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2016	3.596.296.230	3.596.296.230
Tại ngày 30/06/2016	3.596.296.230	3.596.296.230
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2016	3.176.016.916	3.176.016.916
Khấu hao trong kỳ	122.024.754	122.024.754
Tại ngày 30/06/2016	3.298.041.670	3.298.041.670
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình		
Tại ngày 01/01/2016	420.279.314	420.279.314
Tại ngày 30/06/2016	298.254.560	298.254.560

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.089.961.475	1.089.961.475
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	558.984.203	558.984.203
Số dư cuối kỳ	1.768.945.678	1.768.945.678

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	214.110.504	257.565.050
Thuế Thu nhập cá nhân	883.277.512	761.752.683
Các loại thuế khác	181.451.119	216.225.119
	1.278.839.135	1.235.542.852

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nhận đặt cọc hợp đồng môi giới trái phiếu (*)	9.646.334.388	13.646.334.388
	9.646.334.388	13.646.334.388

(*) Khoản nhận đặt cọc của Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực theo hợp đồng môi giới mua trái phiếu số 13/2013/HDMG/EVNFC-ANPHAT ngày 10/06/2013 và phụ lục hợp đồng ngày 25/11/2014. Theo hợp đồng, Công ty sẽ thay mặt cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực tìm mua 2.000.000 trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 03 năm, lãi suất tối thiểu 10%/năm, thời hạn phụ lục hợp đồng đến 30/11/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	31.300.000	31.300.000
Phải trả lãi các khoản nhận đặt cọc của hợp đồng môi giới	2.460.259.707	1.853.874.561
Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.403.104	84.403.104
	2.575.962.811	1.969.577.665

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	30/06/2016	Tỷ lệ	01/01/2016
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Nguyễn Hồ Hưng	5,60%	7.575.000.000	16,69%	22.575.000.000
Ông Trần Thiên Hà	5,63%	7.620.000.000	10,81%	14.620.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	6,12%	8.284.000.000		
Vốn góp của cổ đông khác	82,65%	111.810.000.000	72,51%	98.094.000.000
	100%	135.289.000.000	100%	135.289.000.000

(*) Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trở thành cổ đông lớn của Công ty với tổng số lượng cổ phiếu chiếm trên 5% cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Tuy nhiên không có số liệu so sánh tại thời điểm 01/01/2016 đối với các cổ đông này.

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	300.977.065	232.970.734
	300.977.065	232.970.734

19 . CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Loại <= 1 năm	990.840.000	990.840.000
	990.840.000	990.840.000

20 . CHỨNG KHOÁN CHƯA NIÊM YẾT CHƯA LƯU KÝ CỦA CÔNG TY

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Loại <= 1 năm	20.421.250.000	20.440.000.000
	20.421.250.000	20.440.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	990.840.000	990.840.000
	<u>990.840.000</u>	<u>990.840.000</u>

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	20.421.250.000	20.440.000.000
	<u>20.421.250.000</u>	<u>20.440.000.000</u>

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	160.081.660.000	196.539.500.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.305.700.000	893.700.000
	<u>161.387.360.000</u>	<u>197.433.200.000</u>

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	26.150.000	15.150.000
	<u>26.150.000</u>	<u>15.150.000</u>

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VÉ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ vé của Nhà đầu tư	1.243.000.000	662.000.000
	<u>1.243.000.000</u>	<u>662.000.000</u>

26 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	735.677.490	711.365.969
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	735.677.490	711.365.969
1.1 Nhà đầu tư trong nước	735.422.750	701.187.842
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	254.740	10.178.127
	<u>735.677.490</u>	<u>711.365.969</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà NộiBáo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**27 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	735.677.490	711.365.969
1.1. Nhà đầu tư trong nước	735.422.750	701.187.842
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	254.740	10.178.127
	<u>735.677.490</u>	<u>711.365.969</u>

28 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	2.380.626.400	1.894.000.000
1.1 Phải trả gốc margin	2.380.626.400	1.894.000.000
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>2.380.626.400</i>	<i>1.894.000.000</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	626.307.488	423.353.951
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	626.307.488	423.353.951
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>626.307.488</i>	<i>423.353.951</i>
	<u>3.006.933.888</u>	<u>2.317.353.951</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Bản cáo tài chính giữa niên độ
Ký kết toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

29 - THỰC NHẬP

a) Lợi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyết tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
					Lãi	VND	Lãi	VND
Cổ phiếu niêm yết								
- VND	11.000	11.600	210.600.000	212.854.739	9.000.000	11.254.739	-	-
- L&L	10.000	8.300	127.600.000	138.854.739	-	11.254.739	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết								
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (SDF)	3.000	6.400	19.200.000	123.574.500	9.000.000	104.574.500	-	-
			229.800.000	336.429.239	9.000.000	115.629.239	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	3.400.000	12.000.000
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	311.350.667	386.848.415
Từ các khoản cho vay	2.940.503.041	526.536.143
	3.255.253.708	925.384.558
30 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	424.474.064	1.074.728.581
- Chi phí lãi hợp đồng môi giới trái phiếu	606.385.146	1.074.728.581
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	(181.911.082)	-
	424.474.064	1.074.728.581
31 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu lãi hiện gửi không kỳ hạn	2.658.979	4.928.536
	2.658.979	4.928.536
32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	1.239.712.920	1.099.840.000
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	117.638.274	105.979.734
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	419.906.280	539.475.028
Chi phí thuê, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	761.652.928	815.301.980
Chi phí khác	212.065.132	209.909.967
	2.753.975.534	2.773.506.709

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.006.331	(1.440.632.602)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(584.361.639)	(24.840.285.558)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.400.000)	(12.000.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(580.961.639)	(24.828.285.558)
Tổng thu nhập tính thuế	(516.355.308)	(26.280.918.160)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(1.251.270.075)	(1.251.270.075)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(1.251.270.075)	(1.251.270.075)

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	68.006.331	(1.440.632.602)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	68.006.331	(1.440.632.602)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.528.900	13.528.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5	(106)

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ký kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán		Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phần		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	406.095.354	12.400.000	3.271.853.708		3.690.349.062					3.690.349.062
Chi phí hoạt động	583.754.668	115.629.239	171.642.269		871.026.176					871.026.176
Doanh thu không phân bổ	-	-	-		2.658.979					2.658.979
Chi phí không phân bổ	-	-	-		2.753.975.534					2.753.975.534
Kết quả hoạt động	(177.659.314)	(103.229.239)	3.100.211.439		68.006.331					68.006.331
Tài sản bộ phận trực tiếp	2.038.900.678	53.727.312.856	48.771.803.348		104.538.016.882					104.538.016.882
Tài sản không phân bổ	-	-	-		45.613.505.867					45.613.505.867
Tổng tài sản	2.038.900.678	53.727.312.856	48.771.803.348		150.151.522.749					150.151.522.749
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	2.689.962.811		2.689.962.811					2.689.962.811
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-		11.120.582.873					11.120.582.873
Tổng nợ phải trả	-	-	2.689.962.811		13.810.545.684					13.810.545.684

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	259.368.000	259.368.000

38 . SƠ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Thu nhập toàn diện, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét. Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính (tên cũ là Bảng cân đối kế toán) và Báo cáo thu nhập toàn diện (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng để so sánh với số liệu kỳ này.



Nguyễn Thanh Nghị
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2016

